

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3
Năm 2009**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2009	12 – 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - Tp.HCM.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cấu kiện bê tông, cấu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Soát	Thành viên
Ông Lê Văn Nhung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - Tp.HCM.

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúc	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Côi	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Soát	Phó Giám đốc
Ông Vũ Công Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Long	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Thuận	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Đặng Xuân Trường	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Giám Đốc
Giám đốc

Phạm Văn Thúc

Số:/BCKT/TC

Báo cáo kiểm toán

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được lập ngày 24 tháng 03 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV Đ0064/KTV

Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		212.033.536.397	140.839.644.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	69.949.267.493	31.143.435.140
1. Tiền	111		69.949.267.493	31.143.435.140
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	1.300.000.000	1.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	72.819.020.121	71.944.559.287
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	57.699.995.638	54.229.765.779
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	10.919.147.915	3.119.421.341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	3.3		7.591.161.818
5. Các khoản phải thu khác	135	3.4	4.410.947.371	7.215.281.152
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.5	(211.070.803)	(211.070.803)
IV. Hàng tồn kho	140	4	50.458.164.670	20.586.295.640
1. Hàng tồn kho	141		50.458.164.670	20.586.295.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	17.507.084.113	15.865.354.106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	24.537.620	924.903.243
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.2	17.482.546.493	14.940.450.863
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		30.022.070.056	13.384.253.824
II. Tài sản cố định	220		23.936.885.323	9.985.757.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	23.065.851.701	9.811.981.986
- Nguyên giá	222		42.469.684.958	26.747.527.560
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.403.833.257)	(16.935.545.574)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	871.033.622	173.775.380
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251	8		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	6.055.184.733	3.398.496.458
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	5.405.212.796	3.392.296.458
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		643.771.937	
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.2	6.200.000	6.200.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		242.055.606.453	154.223.897.997

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		181.688.833.941	128.038.941.345
I. Nợ ngắn hạn	310	10	178.364.417.554	127.504.567.869
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	37.608.176.328	13.421.148.293
2. Phải trả người bán	312	10.2	29.486.228.415	12.135.350.543
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	57.291.705.639	52.558.184.901
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	11.168.303.384	7.804.425.279
5. Phải trả người lao động	315	10.5	11.889.662.364	7.853.146.912
6. Chi phí phải trả	316	10.6	5.851.058.713	395.848.248
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	5.271.525.575	8.664.625.070
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	19.797.757.136	24.671.838.623
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330	11	3.324.416.387	534.373.476
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	131.603.898	131.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	3.062.891.000	364.650.609
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.3	129.921.489	38.118.969
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		52.628.174.203	26.184.956.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	52.126.816.721	26.079.569.070
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.812.090.000	18.618.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.848.987.914	462.630.914
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		961.575.738	491.342.738
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.881.255.610	4.884.347.959
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		501.357.482	105.387.582
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		501.357.482	105.387.582
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.738.598.309	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		242.055.606.453	154.223.897.997

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại (USD) 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		408.987.523	408.987.523

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3		5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	13	249.060.108.906	132.757.845.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	249.060.108.906	132.757.845.090
4. Giá vốn hàng bán	11	16	209.066.148.112	119.286.352.854
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.993.960.794	13.471.492.236
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	462.004.722	159.440.883
7. Chi phí tài chính	22	18	1.969.602.092	1.618.963.394
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.969.602.092	1.618.963.394
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.022.385.737	5.674.921.230
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		29.463.977.687	6.337.048.495
11. Thu nhập khác	31	19	3.554.648.092	787.451.948
12. Chi phí khác	32	20	1.320.990.868	589.926.180
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.233.657.224	197.525.768
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		31.697.634.911	6.534.574.263
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	5.116.761.765	916.124.197
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	(643.771.937)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.224.645.083	5.618.450.066
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.372.898.309	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		25.851.746.774	5.618.450.066
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		12.231	3.243

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		31.697.634.911	6.534.574.263
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		2.588.923.083	1.921.446.000
- Các khoản dự phòng	3			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(334.226.582)	
- Chi phí lãi vay	6		1.969.602.092	1.618.963.394
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		35.921.933.504	10.074.983.657
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(2.844.298.394)	(45.333.397.400)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.871.869.030)	2.297.363.194
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.533.752.786	57.028.586.215
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.112.550.715)	1.475.547.587
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.969.602.092)	(1.618.963.394)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(885.890.381)	(501.967.531)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		100.000.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.548.008.321)	(411.849.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.323.467.357	23.010.302.329
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.869.762.686)	(1.884.704.032)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(793.084.647)	(650.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		462.004.722	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.230.842.611)	(2.534.704.032)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.352.534.647	3.178.740.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		87.518.634.232	25.497.536.232
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(60.633.829.806)	(28.942.252.199)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.524.131.466)	(2.476.047.082)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.713.207.607	(2.742.023.049)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		38.805.832.353	17.733.575.248
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.143.435.140	13.409.859.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		69.949.267.493	31.143.435.140

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 21.812.090.000 đồng (Hai mươi một tỷ tám trăm mười hai triệu không trăm chín mươi ngàn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rền, đúc, cán kéo kim loại, đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

4. Tổng số các công ty con: 02 (hai) Công ty con.

5. Thông tin về các Công ty con được hợp nhất:

a. Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Trường Lộc

- Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103012165 ngày 02/01/2009, thay đổi lần thứ 2 số 0306560048 ngày 02/01/2010.
- Địa chỉ trụ sở chính: 143 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM.
- Vốn điều lệ: 7.777.700.000 đồng (Bảy tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,86%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,86%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - Tp.HCM.

b. Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát

- Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0309477944 ngày 01/10/2009.
- Địa chỉ trụ sở chính: 136/1 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp. HCM.
- Vốn điều lệ: 10.600.000.000 đồng (Mười tỷ sáu trăm triệu đồng).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. *Niên độ kế toán* của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. *Chế độ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - Tp.HCM.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

5. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phạt trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phạt trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - Tp.HCM.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - Tp.HCM.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập.

13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1-Tiền mặt (VND)	4.017.794.323	1.478.276.237
1.2-Tiền gửi ngân hàng	65.931.473.170	29.665.158.903
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	69.949.267.493	31.143.435.140
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN-CN.TPHCM	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1-Phải thu khách hàng	57.699.995.638	54.229.765.779
3.2-Trả trước cho người bán	10.919.147.915	3.119.421.341
3.3-Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		7.591.161.818
3.4-Các khoản phải thu khác	4.410.947.371	7.215.281.152
3.5-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(211.070.803)	(211.070.803)
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	72.819.020.121	71.944.559.287
4. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá gốc hàng tồn kho	50.458.164.670	20.586.295.640
Nguyên liệu, vật liệu	12.432.488.065	2.046.491.843
Công cụ, dụng cụ	989.624	2.452.814
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.488.826.981	18.537.350.983
Hàng hóa	535.860.000	
-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	50.458.164.670	20.586.295.640
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1-Chi phí trả trước ngắn hạn	24.537.620	924.903.243
5.2-Tài sản ngắn hạn khác	17.482.546.493	14.940.450.863
Tạm ứng	16.810.288.423	14.840.450.863
Ký quỹ	672.258.070	100.000.000
Cộng tài sản ngắn hạn khác	17.507.084.113	15.865.354.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	2.213.148.764	20.885.606.575	3.374.456.779	274.315.442	26.747.527.560
2 Số tăng trong năm	4.547.295.998	10.338.506.261	1.249.062.524	225.950.615	16.360.815.398
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm		9.445.046.798	1.249.062.524	225.950.615	10.920.059.937
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.547.295.998	893.459.463			5.440.755.461
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm	638.658.000				638.658.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	638.658.000				638.658.000
4 Số dư cuối năm	6.121.786.762	31.224.112.836	4.623.519.303	500.266.057	42.469.684.958
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	544.617.770	13.523.113.345	2.680.185.719	187.628.740	16.935.545.574
2 Tăng trong năm	87.820.748	2.120.522.551	328.138.417	52.441.367	2.588.923.083
- Khấu hao trong năm	87.820.748	2.120.522.551	328.138.417	52.441.367	2.588.923.083
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm	120.635.400				120.635.400
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	120.635.400				120.635.400
4 Số dư cuối năm	511.803.118	15.643.635.896	3.008.324.136	240.070.107	19.403.833.257
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	1.668.530.994	7.362.493.230	694.271.060	86.686.702	9.811.981.986
2 Tại ngày cuối năm	5.609.983.644	15.580.476.940	1.615.195.167	260.195.950	23.065.851.701

-Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay : 2.908.667.133

-Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.039.250.862

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng nhà xưởng Tân Cảng

Mua sắm tài sản cố định

Cộng chi phí XDCB dở dang**Số cuối năm****Số đầu năm**

173.775.380

871.033.622

871.033.622**173.775.380****8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Trái phiếu kho bạc (thời hạn 3 năm)

Cộng đầu tư dài hạn khác**Số cuối năm****Số đầu năm**

30.000.000

30.000.000**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

9.1-Chi phí trả trước dài hạn

9.2-Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

9.2-Tài sản dài hạn khác (ký quỹ, ký cược dài hạn)

Cộng tài sản dài hạn khác**Số cuối năm****Số đầu năm**

5.405.212.796

643.771.937

6.200.000

6.055.184.733

3.392.296.458

6.200.000

3.398.496.458

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

10. NỢ NGẮN HẠN**10.1-Vay và nợ ngắn hạn****Vay ngắn hạn ngân hàng**

Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh

Vay cá nhân**10.2-Phải trả người bán****10.3-Người mua trả tiền trước****10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế GTGT đầu ra

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Thuế nhà đất & tiền thuê đất

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10.5-Phải trả người lao động**10.6-Chi phí phải trả****10.7-Phải trả nội bộ**

Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam

10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí Công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	37.608.176.328	13.421.148.293
	37.494.468.328	13.421.148.293
	37.494.468.328	13.421.148.293
	113.708.000	
	29.486.228.415	12.135.350.543
	57.291.705.639	52.558.184.901
	11.168.303.384	7.804.425.279
	5.881.105.844	6.417.040.645
	5.116.761.765	885.890.381
	170.435.775	21.879.253
		479.615.000
	11.889.662.364	7.853.146.912
	5.851.058.713	395.848.248
	5.271.525.575	8.664.625.070
	5.271.525.575	8.664.625.070
	19.797.757.136	24.671.838.623
	157.461.791	143.111.484
	60.667.303	48.191.777
		27.538.916
	1.688.480	
	19.577.939.562	24.452.996.446
	178.364.417.554	127.504.567.869

11. NỢ DÀI HẠN**11.1-Phải trả dài hạn khác**

Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng

11.2-Vay và nợ dài hạn

Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh

11.3-Dự phòng trợ cấp mất việc làm**Cộng nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	131.603.898	131.603.898
	131.603.898	131.603.898
	3.062.891.000	364.650.609
	3.062.891.000	364.650.609
	129.921.489	38.118.969
	3.324.416.387	534.373.476

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.439.600.000	70.916.664	1.717.967.809	3.211.804.897	20.440.289.370
Tăng vốn trong năm trước	3.178.740.000	1.551.990.795			4.730.730.795
Lãi trong năm trước				5.618.450.066	5.618.450.066
Tăng khác			787.996.638		787.996.638
Giảm vốn trong năm trước					
Lỗ trong năm trước					
Giảm khác			1.551.990.795	3.945.907.004	3.945.907.004
Số dư cuối năm trước	18.618.340.000	1.622.907.459	953.973.652	4.884.347.959	26.079.569.070
Số dư đầu năm nay	18.618.340.000	1.622.907.459	953.973.652	4.884.347.959	26.079.569.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

Tăng vốn trong năm nay	3.193.750.000				3.193.750.000
Lãi trong năm nay				25.851.746.774	25.851.746.774
Tăng khác			1.856.590.000		1.856.590.000
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác (*)				4.854.839.123	4.854.839.123
Số dư cuối năm nay	21.812.090.000	1.622.907.459	2.810.563.652	25.881.255.610	52.126.816.721

Ghi chú (*): Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

- Trích cổ tức phải trả năm 2008	2.057.784.123
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2008	1.386.357.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2008	470.233.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2008	940.465.000
Cộng	4.854.839.123

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	47,28%	10.313.740.000	10.313.740.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	52,72%	11.498.350.000	8.304.600.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	21.812.090.000	18.618.340.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Vốn đầu tư của chủ SH		
- Vốn góp đầu năm	18.618.340.000	15.439.600.000
- Vốn góp tăng trong năm	3.193.750.000	3.178.740.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	21.812.090.000	18.618.340.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.524.131.466	2.476.047.082

d) Cổ tức

- + Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán**
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

e) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	2.181.209	1.861.834
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng	2.181.209	1.861.834
- Cổ phiếu phổ thông	2.181.209	1.861.834
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp đang lưu hành	2.181.209	1.795.542
- Cổ phiếu phổ thông	2.181.209	1.795.542
- Cổ phiếu ưu đãi		

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP****f) Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển	1.848.987.914	462.630.914
- Quỹ dự phòng tài chính	961.575.738	491.342.738
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	501.357.482	105.387.582

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

+ Doanh thu bán hàng

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng

Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
11.799.143.320	
237.260.965.586	132.757.845.090
249.060.108.906	132.757.845.090

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

+ Chiết khấu thương mại

+ Giảm giá hàng bán

+ Hàng bán bị trả lại

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Thuế xuất khẩu

Cộng các khoản giảm trừ doanh thu

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

+ Doanh thu thuần về bán hàng

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng

Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
11.799.143.320	
237.260.965.586	132.757.845.090
249.060.108.906	132.757.845.090

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hàng hóa đã bán

Giá vốn hợp đồng xây dựng

Cộng giá vốn hàng bán

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
10.588.956.122	
198.477.191.990	119.286.352.854
209.066.148.112	119.286.352.854

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cộng doanh thu hoạt động tài chính

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
462.004.722	159.440.883
462.004.722	159.440.883

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

Cộng chi phí tài chính

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.969.602.092	1.618.963.394
1.969.602.092	1.618.963.394

19. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập từ tiền thí nghiệm và cho thuê mặt bằng

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Thu nhập khác

Cộng thu nhập khác

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
786.881.143	763.716.410
390.244.460	
2.377.522.489	23.735.538
3.554.648.092	787.451.948

20. CHI PHÍ KHÁC

Chi phí hoạt động thí nghiệm, cho thuê mặt bằng

Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý

Cộng chi phí khác

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
470.648.769	413.153.369
332.319.499	176.772.811
518.022.600	
1.320.990.868	589.926.180

21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
5.116.761.765	916.124.197
5.116.761.765	916.124.197

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(643.771.937)	
(643.771.937)	

23. THÔNG TIN BỔ SUNG

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình 3 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy